VIETNAM 1:50,000

EDITION 1-AMS
ÉDITION 1-AMS
PHÁT HÀNH LẦN THỨ 1-AMS

# TỐNG CÔNG

SHEET 6148 III
SERIES L7014

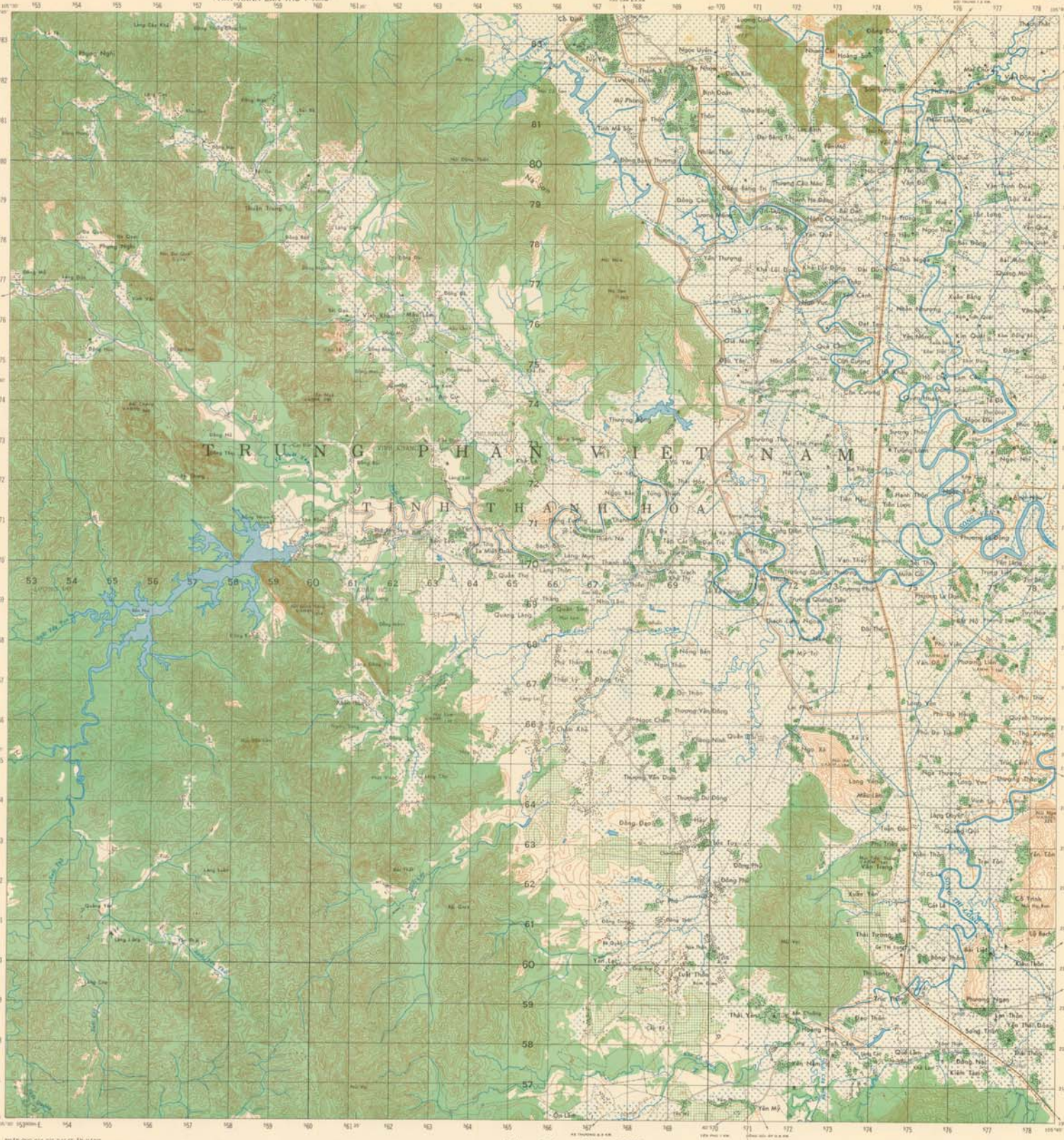


PHÂN CỤC ĐỊA ĐỒ ĐÀ LẠT ẤN HÀNH
PRINTED BY THE NATIONAL GEOGRAPHIC SERVICE VIETNAM
Ấn hành lần thứ ngày 12-67
Printing 12-67

Scale Échelle Tỷ lệ 1:50,000

CONTOUR INTERVAL—20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS—10 METERS

ÉQUIDISTANCE DES COURBES 20 MÈTRES
LES COURBES INTERCALAIRES 10 MÈTRES

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TRỢI 10 MÉT

| | | | |
|---|---|---|---|
| SPHEROID | EVEREST | SUPPORÉ | EVEREST |
| GRID | 1,000 METER UTM ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES) | QUADRILLAGE | RECTANGULAIRE UTM: FUSEAU 48 (LES LIGNES CHIFFRÉES EN NOIR) |
| PROJECTION | TRANSVERSE MERCATOR | | |
| VERTICAL DATUM | APPROXIMATE MEAN SEA LEVEL | NIVEAU DE RÉFÉRENCE | NIVEAU MOYEN APPROXIMATIF DES MERS |
| HORIZONTAL DATUM | INDIAN DATUM 1960 | LE RÉSEAU GÉODÉSIQUE DE RÉFÉRENCE | |

LEGEND—LÉGENDE—CHÚ THÍCH

MAP INFORMATION AS OF 1965
INFORMATIONS CARTOGRAPHIQUES 1965
BẢN ĐỒ TÌNH TRẠNG NĂM 1965

EN SỬ HÀNG SỬA ĐỔI CỦA BẢN ĐỒ NÀY
BẢN THÂN CỤC BẢN ĐỒ ĐÀ LẠT.
FOR CORRECTIONS TO THIS MAP TO COMMANDING
OFFICER, ARMY MAP SERVICE, WASHINGTON D.C.

PREPARED BY ARMY MAP SERVICE, U.S. ARMY, 1965
CONTROL BY SERVICE GÉOGRAPHIQUE DE L'INDOCHINE

GLOSSARY—GLOSSAIRE—CỔ TỰ

| | | | |
|---|---|---|---|
| Bản | village | | village |
| Bông | cascades | | stream |
| Kha | village | | village |
| Làng | village | | village |
| Nha | village | | village |
| Rạch | village | | village |
| Sơ | village | | village |
| Thôn | village | | village |
| Phương | village | | village |
| Tổng | village | | village |
| Suối | stream | | stream |
| Tổng | village | | village |
| Trung | village | | village |
| Xóm | village | | village |

TO CONVERT A MAGNETIC AZIMUTH TO A GRID AZIMUTH SUBTRACT G-M ANGLE

POUR CONVERTIR L'AZIMUT MAGNÉTIQUE EN AZIMUT DU QUADRILLAGE SOUSTRAIRE L'ANGLE G-M

MUỐN ĐỔI PHƯƠNG-GIÁC TỪ THÀNH PHƯƠNG-GIÁC Ô VUÔNG TRỪ GÓC Y-T

TO CONVERT A GRID AZIMUTH TO A MAGNETIC AZIMUTH ADD G-M ANGLE

POUR CONVERTIR L'AZIMUT DU QUADRILLAGE EN AZIMUT MAGNÉTIQUE AJOUTER L'ANGLE G-M

MUỐN ĐỔI PHƯƠNG-GIÁC Ô VUÔNG THÀNH PHƯƠNG-GIÁC TỪ CỘNG THÊM GÓC Y-T

1965
G-M ANGLE
ANGLE G-M
GÓC Y-T
(1° 15' MILS, MILL, MIL)

TRUE NORTH
NORD GÉOGRAPHIQUE
BẮC ĐỊA LÝ

GRID NORTH
NORD DU QUADRILLAGE
BẮC Ô VUÔNG

GRID CONVERGENCE
FOR CENTER OF SHEET
CONVERGENCE DU QUADRILLAGE
POUR LE CENTRE DE LA FEUILLE
ĐỘ TỤ ĐƯỜNG KẺ Ô VUÔNG
TRUNG TÂM TỜ BẢN ĐỒ

ELEVATION GUIDE
GUIDE D'ÉLÉVATION
CHỈ ĐẪN CAO-ĐỘ

BOUNDARIES
FRONTIÈRES
KHÔNG RÌA GIỚI

ADJOINING SHEETS
FEUILLES ADJACENTES
BẢNG RÁP RÌA-ĐỒ

TỐNG CÔNG, VIETNAM